

Số: 628/QĐ-BV

Ứng Hòa, ngày 24 tháng 03 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành công khai giá dịch vụ kỹ thuật và xét nghiệm áp dụng tại
Bệnh viện đa khoa Vân Đình**

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA VÂN ĐÌNH

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Căn cứ Luật giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Bộ Y tế quy định danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 21/2024/TT-BYT ngày 17/10/2024 của Bộ Y tế Quy định phương pháp định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Văn bản số 56/BVĐKVD ngày 09/01/20125 về việc Kê khai giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu của Bệnh viện đa khoa Vân Đình;

Theo đề nghị của Hội đồng xây dựng giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Bảng giá dịch vụ kỹ thuật và xét nghiệm theo yêu cầu áp dụng tại Bệnh viện đa khoa Vân Đình".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28/03/2025.

Điều 3. Phòng Tổ chức hành chính, phòng Kế hoạch tổng hợp, phòng Tài chính kế toán và các khoa phòng của Bệnh viện đa khoa Vân đình chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT;



Nguyễn Khuyến

GIÁ DỊCH VỤ KỸ THUẬT VÀ XÉT NGHIỆM THEO YÊU CẦU

(Ban hành kèm theo Quyết định số 628 /QĐ-BV ngày 24/03/2025
của Bệnh viện đa khoa Vân Đình)

Mã tương đương	Tên dịch vụ	Đơn vị tính	Giá theo yêu cầu (đồng)
23.0103.1531	Xét nghiệm Khí máu [Máu] [theo yêu cầu]	Lần	380.000
23.0143.1503	Định lượng Sắt [Máu] [theo yêu cầu]	Lần	51.100
23.0104.1532	Định lượng Lactat (Acid Lactic) [Máu] [theo yêu cầu]	Lần	153.400
23.0128.1494	Định lượng Phospho (máu) [theo yêu cầu]	Lần	33.300
23.0215.1506	Định lượng Cholesterol toàn phần [dịch chọc dò] [theo yêu cầu]	Lần	41.650
23.0040.1507	Đo hoạt độ Cholinesterase (ChE) [Máu] [theo yêu cầu]	Lần	41.650
23.0218.1534	Đo hoạt độ LDH (Lactat dehydrogenase) [dịch chọc dò] [theo yêu cầu]	Lần	41.650
23.0111.1534	Đo hoạt độ LDH (Lactat dehydrogenase) [Máu] [theo yêu cầu]	Lần	41.650
23.0172.1580	Điện giải (Na, K, Cl) [niệu] [theo yêu cầu]	Lần	44.950
23.0009.1493	Đo hoạt độ ALP (Alkaline Phosphatase) [Máu] [theo yêu cầu]	Lần	33.300
23.0221.1506	Định lượng Triglycerid [dịch chọc dò] [theo yêu cầu]	Lần	41.650
14.0221.0849	Soi góc tiền phòng [theo yêu cầu]	Lần	90.000
22.0143.1303	Máu lắng (bằng máy tự động) [theo yêu cầu]	Lần	56.700
22.0142.1304	Máu lắng (bằng phương pháp thủ công) [theo yêu cầu]	Lần	37.700
22.0013.1242	Định lượng Fibrinogen (tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp Clauss- phương pháp trực tiếp, bằng máy tự động [theo yêu cầu]	Lần	167.700
22.0005.1354	Thời gian thromboplastin một phần hoạt hóa (APTT: Activated Partial Thromboplastin Time), (tên khác: TCK) bằng máy tự động [theo yêu cầu]	Lần	66.100

Mã tương đương	Tên dịch vụ	Đơn vị tính	Giá theo yêu cầu (đồng)
22.0019.1348	Thời gian máu chảy phương pháp Duke [theo yêu cầu]	Lần	20.700
22.0001.1352	Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time), (Các tên khác: TQ; Tỷ lệ Prothrombin) bằng máy tự động [theo yêu cầu]	Lần	104.000
22.0008.1353	Thời gian thrombin (TT: Thrombin Time) bằng máy tự động [theo yêu cầu]	Lần	66.100
22.0023.1239	Định lượng D-Dimer [theo yêu cầu]	Lần	414.800
23.0185.1506	Định lượng Dưỡng chấp [niệu] [theo yêu cầu]	Lần	41.650
24.0121.1647	HBsAg định lượng [theo yêu cầu]	Lần	762.000
24.0263.1665	Hồng cầu, bạch cầu trong phân soi tươi [theo yêu cầu]	Lần	63.400
24.0321.1674	Vi nấm nhuộm soi [theo yêu cầu]	Lần	69.200
24.0249.1697	Rotavirus test nhanh [theo yêu cầu]	Lần	295.900
24.0073.1658	Helicobacter pylori Ag test nhanh [theo yêu cầu]	Lần	220.000
24.0017.1714	AFB trực tiếp nhuộm Ziehl-Neelsen [theo yêu cầu]	Lần	112.800
23.0173.1575	Định tính Amphetamine (test nhanh) [niệu] [theo yêu cầu]	Lần	68.100
23.0188.1586	Định tính Marijuana (THC) (test nhanh) [niệu] [theo yêu cầu]	Lần	68.100
24.0183.1637	Dengue virus NS1Ag test nhanh [theo yêu cầu]	Lần	216.600
24.0243.1671	Influenza virus A, B test nhanh [theo yêu cầu]	Lần	282.300
24.0319.1674	Vi nấm soi tươi [theo yêu cầu]	Lần	69.200
23.0065.1517	Định lượng FSH (Follicular Stimulating Hormone) [Máu] [theo yêu cầu]	Lần	127.800
23.0169.1571	Định lượng Vitamin B12 [Máu] [theo yêu cầu]	Lần	119.300
23.0024.1464	Định lượng bhCG (Beta human Chorionic Gonadotropins) [Máu] [theo yêu cầu]	Lần	136.300

Mã tương đương	Tên dịch vụ	Đơn vị tính	Giá theo yêu cầu (đồng)
23.0067.1515	Định lượng Folate [Máu] [theo yêu cầu]	Lần	136.300
23.0121.1548	Định lượng proBNP (NT-proBNP) [Máu] [theo yêu cầu]	Lần	645.500
23.0160.1569	Định lượng Troponin T hs [Máu] [theo yêu cầu]	Lần	119.300
23.0018.1457	Định lượng AFP (Alpha Fetoproteine) [Máu] [theo yêu cầu]	Lần	144.900
23.0032.1468	Định lượng CA 125 (cancer antigen 125) [Máu] [theo yêu cầu]	Lần	219.200
23.0034.1469	Định lượng CA 15-3 (Cancer Antigen 15-3) [Máu] [theo yêu cầu]	Lần	237.400
23.0033.1470	Định lượng CA 19-9 (Carbohydrate Antigen 19-9) [Máu] [theo yêu cầu]	Lần	219.200
23.0035.1471	Định lượng CA 72-4 (Cancer Antigen 72-4) [Máu] [theo yêu cầu]	Lần	211.600
23.0039.1476	Định lượng CEA (Carcino Embryonic Antigen) [Máu] [theo yêu cầu]	Lần	136.300
23.0046.1480	Định lượng Cortisol (máu) [theo yêu cầu]	Lần	144.900
23.0052.1486	Định lượng Cyfra 21-1 [Máu] [theo yêu cầu]	Lần	153.400
23.0063.1514	Định lượng Ferritin [Máu] [theo yêu cầu]	Lần	127.800
23.0139.1553	Định lượng PSA toàn phần (Total prostate-Specific Antigen) [Máu] [theo yêu cầu]	Lần	144.900
23.0138.1554	Định lượng PSA tự do (Free prostate-Specific Antigen) [Máu] [theo yêu cầu]	Lần	136.300
23.0068.1561	Định lượng FT3 (Free Triiodothyronine) [Máu] [theo yêu cầu]	Lần	102.300
23.0069.1561	Định lượng FT4 (Free Thyroxine) [Máu] [theo yêu cầu]	Lần	102.300
23.0147.1561	Định lượng T3 (Tri iodothyronine) [Máu] [theo yêu cầu]	Lần	102.300

Mã tương đương	Tên dịch vụ	Đơn vị tính	Giá theo yêu cầu (đồng)
23.0148.1561	Định lượng T4 (Thyroxine) [Máu] [theo yêu cầu]	Lần	102.300
23.0162.1570	Định lượng TSH (Thyroid Stimulating hormone) [Máu] [theo yêu cầu]	Lần	93.800
18.0138.0031	Chụp X-quang tử cung vòi trứng [số hóa] [theo yêu cầu]	Lần	780.000
03.0138.1777	Điện não đồ thường quy [theo yêu cầu]	Lần	109.350
14.0251.0852	Test phát hiện khô mắt [theo yêu cầu]	Lần	69.600
14.0255.0755	Đo nhãn áp [theo yêu cầu]	Lần	47.400
14.0258.0754	Đo khúc xạ máy [theo yêu cầu]	Lần	19.100
14.0244.0015	Chụp đáy mắt không huỳnh quang [theo yêu cầu]	Lần	333.500
03.0158.0137	Soi đại tràng chẩn đoán bằng ống soi mềm [theo yêu cầu]	Lần	895.100
02.0262.0136	Nội soi đại trực tràng toàn bộ ống mềm có sinh thiết [theo yêu cầu]	Lần	1.068.800
02.0309.0138	Nội soi trực tràng ống mềm có sinh thiết [theo yêu cầu]	Lần	823.500
03.1064.0184	Nội soi đại tràng tiêu cầm máu [theo yêu cầu]	Lần	2.255.700
03.1062.0137	Nội soi đại tràng sigma [theo yêu cầu]	Lần	895.100
03.2191.0898	Khí dung mũi họng [theo yêu cầu]	Lần	55.000
03.0570.0271	Thuỷ châm điều trị đau thần kinh liên sườn [theo yêu cầu]	Lần	115.700
03.0330.2046	Điện mãng châm điều trị thoái hóa khớp [kim dài] [theo yêu cầu]	Lần	128.000
03.0903.0270	Tập với xe đạp tập [theo yêu cầu]	Lần	22.300
03.0538.0271	Thuỷ châm điều trị đau thần kinh tọa [theo yêu cầu]	Lần	115.700
03.0580.0271	Thuỷ châm điều trị đau lưng [theo yêu cầu]	Lần	115.700

Mã tương đương	Tên dịch vụ	Đơn vị tính	Giá theo yêu cầu (đồng)
03.0602.0271	Thủy châm điều trị hội chứng tiền đình [theo yêu cầu]	Lần	115.700
08.0378.0271	Thủy châm điều trị đau lưng [theo yêu cầu]	Lần	115.700
03.0534.0271	Thủy châm điều trị liệt chi dưới [theo yêu cầu]	Lần	115.700
03.0555.0271	Thủy châm điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên [theo yêu cầu]	Lần	115.700
08.0352.0271	Thủy châm điều trị đau vai gáy [theo yêu cầu]	Lần	115.700
08.0322.0271	Thủy châm điều trị hội chứng thắt lưng- hông [theo yêu cầu]	Lần	115.700
03.0593.0271	Thủy châm điều trị bí đái [theo yêu cầu]	Lần	115.700
08.0376.0271	Thủy châm điều trị đau do thoái hóa khớp [theo yêu cầu]	Lần	115.700
03.0549.0271	Thủy châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu [theo yêu cầu]	Lần	115.700
03.0598.0271	Thủy châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống [theo yêu cầu]	Lần	115.700
03.0582.0271	Thủy châm điều trị viêm quanh khớp vai [theo yêu cầu]	Lần	115.700
15.0209.0996	Cắt phanh lưỡi [gây mê] [theo yêu cầu]	Lần	1.771.900
08.0323.0271	Thủy châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu [theo yêu cầu]	Lần	115.700
03.1848.1012	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha có sử dụng trạm xoay máy [răng số 4, 5] [theo yêu cầu]	Lần	1.131.000
08.0357.0271	Thủy châm điều trị đau dây thần kinh liên sườn [theo yêu cầu]	Lần	115.700
03.1848.1013	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha có sử dụng trạm xoay máy [răng số 6,7 hàm dưới] [theo yêu cầu]	Lần	1.361.000
08.0359.0271	Thủy châm điều trị đau dây V [theo yêu cầu]	Lần	115.700

Mã tương đương	Tên dịch vụ	Đơn vị tính	Giá theo yêu cầu (đồng)
03.1848.1014	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha có sử dụng trạm xoay máy [răng số 1, 2, 3] [theo yêu cầu]	Lần	955.500
08.0360.0271	Thủy châm điều trị đau liệt tứ chi do chấn thương cột sống [theo yêu cầu]	Lần	115.700
03.1848.1015	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha có sử dụng trạm xoay máy [răng số 6,7 hàm trên] [theo yêu cầu]	Lần	1.491.000
08.0351.0271	Thủy châm điều trị hội chứng tiền đình [theo yêu cầu]	Lần	115.700
14.0205.0759	Đốt lông xiêu, nhổ lông siêu [theo yêu cầu]	Lần	80.600
08.0356.0271	Thủy châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên [theo yêu cầu]	Lần	115.700
14.0210.0799	Nặn tuyến bờ mi, đánh bờ mi [theo yêu cầu]	Lần	61.400
08.0330.0271	Thủy châm điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não [theo yêu cầu]	Lần	115.700
03.1694.0799	Nặn tuyến bờ mi, đánh bờ mi [theo yêu cầu]	Lần	61.400
08.0377.0271	Thủy châm điều trị viêm quanh khớp vai [theo yêu cầu]	Lần	115.700
27.0272.0473	Phẫu thuật nội soi cắt túi mật, mở OMC lấy sỏi, dẫn lưu Kehr [theo yêu cầu loại 1]	Lần	9.431.900
27.0469.0542	Phẫu thuật nội soi tái tạo lại dây chằng chéo trước [theo yêu cầu]	Lần	10.594.500
27.0315.1196	Phẫu thuật nội soi đặt lưới nhân tạo trong ổ bụng [theo yêu cầu loại 1]	Lần	8.434.500
27.0354.1196	Tán sỏi thận qua da [theo yêu cầu loại 1]	Lần	8.434.500
27.0461.0541	Phẫu thuật nội soi cắt sụn chêm [theo yêu cầu]	Lần	9.602.500
27.0462.0541	Phẫu thuật nội soi khâu sụn chêm [theo yêu cầu]	Lần	9.602.500
27.0470.0542	Phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo sau [theo yêu cầu]	Lần	10.594.500

Mã tương đương	Tên dịch vụ	Đơn vị tính	Giá theo yêu cầu (đồng)
10.0930.0545	Phẫu thuật thay khớp háng bán phần [thay khớp] [theo yêu cầu]	Lần	10.310.000
27.0272.0473	Phẫu thuật nội soi cắt túi mật, mở OMC lấy sỏi, dẫn lưu Kehr [theo yêu cầu loại 2]	Lần	5.431.900
27.0315.1196	Phẫu thuật nội soi đặt lưới nhân tạo trong ổ bụng [theo yêu cầu loại 2]	Lần	4.434.500
12.0077.0834	Cắt u môi lành tính có tạo hình [theo yêu cầu]	Lần	3.322.100
27.0354.1196	Tán sỏi thận qua da [theo yêu cầu loại 2]	Lần	4.434.500
12.0086.0944	Cắt u tuyến nước bọt dưới hàm [theo yêu cầu]	Lần	5.944.000
12.0087.0944	Cắt u tuyến nước bọt dưới lưỡi [theo yêu cầu]	Lần	5.944.000
12.0089.0945	Cắt u tuyến nước bọt mang tai [theo yêu cầu]	Lần	5.944.000
12.0087.1060	Cắt u tuyến nước bọt dưới lưỡi [theo yêu cầu]	Lần	4.397.900
12.0073.1047	Cắt nang xương hàm khó [theo yêu cầu]	Lần	4.228.100
12.0090.1060	Cắt bỏ u lành tính vùng tuyến nước bọt mang tai hoặc dưới hàm trên 5 cm [theo yêu cầu]	Lần	4.397.900
15.0043.0874	Phẫu thuật cắt bỏ u ống tai ngoài [gây mê] [theo yêu cầu]	Lần	4.122.100
03.1859.1012	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng châm xoay cầm tay [răng số 4, 5] [theo yêu cầu]	Lần	1.131.000
14.0187.0791	Phẫu thuật quặm [2 mi - gây tê] [theo yêu cầu]	Lần	1.935.200
15.0149.0937	Phẫu thuật cắt Amidan [dao điện] [theo yêu cầu;Loại 2]	Lần	3.761.400
14.0187.0795	Phẫu thuật quặm [4 mi - gây tê] [theo yêu cầu]	Lần	2.387.000
17.0011.0237	Điều trị bằng tia hồng ngoại [theo yêu cầu]	Lần	62.200
15.0104.0942	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình cuốn mũi giữa [theo yêu cầu;Loại 2]	Lần	6.211.900
14.0187.0789	Phẫu thuật quặm [1 mi - gây tê] [theo yêu	Lần	1.698.800

Mã tương đương	Tên dịch vụ	Đơn vị tính	Giá theo yêu cầu (đồng)
	cầu]		
17.0102.0258	Tập tri giác và nhận thức [theo yêu cầu]	Lần	78.100
15.0086.1001	Phẫu thuật cắt u nang răng sinh, u nang sàn mũi [theo yêu cầu;Loại 2]	Lần	3.646.800
12.0309.0589	Bóc nang tuyến Bartholin [theo yêu cầu]	Lần	3.369.400
14.0065.0809	Phẫu thuật mộng có ghép (kết mạc rời tự thân, màng ối...) có hoặc không áp thuốc chống chuyển hóa [gây tê] [theo yêu cầu]	Lần	2.083.600
17.0070.0261	Tập với ghế tập mạnh cơ tứ đầu đùi [theo yêu cầu]	Lần	22.300
03.2179.0937	Phẫu thuật cắt Amidan gây tê hoặc gây mê [gây tê] [theo yêu cầu;Loại 2]	Lần	3.761.400
12.0267.0653	Cắt u vú lành tính [theo yêu cầu]	Lần	5.135.800
14.0165.0823	Phẫu thuật mộng đơn thuần [theo yêu cầu]	Lần	1.960.200
17.0065.0269	Tập với ròng rọc [theo yêu cầu]	Lần	22.300
13.0152.0589	Bóc nang tuyến Bartholin [theo yêu cầu]	Lần	3.369.400
17.0071.0270	Tập với xe đạp tập [theo yêu cầu]	Lần	22.300
03.0774.0237	Điều trị bằng tia hồng ngoại [theo yêu cầu]	Lần	62.200
13.0151.0601	Trích áp xe tuyến Bartholin [theo yêu cầu]	Lần	2.951.600
17.0026.0220	Điều trị bằng máy kéo giãn cột sống [theo yêu cầu]	Lần	76.200
14.0083.0836	Cắt u da mi không ghép [theo yêu cầu loại 1]	Lần	1.812.100
15.0139.0897	Phương pháp Proetz [theo yêu cầu]	Lần	138.600
14.0083.0836	Cắt u da mi không ghép [theo yêu cầu loại 2]	Lần	1.312.100
17.0018.0221	Điều trị bằng Parafin [theo yêu cầu]	Lần	69.000
17.0006.0231	Điều trị bằng điện phân dẫn thuốc [theo yêu cầu]	Lần	73.400
14.0063.0862	Phẫu thuật mở rộng điểm lệ [theo yêu cầu]	Lần	1.370.000

Mã tương đương	Tên dịch vụ	Đơn vị tính	Giá theo yêu cầu (đồng)
15.0222.0898	Khí dung mũi họng [theo yêu cầu]	Lần	55.000
17.0007.0234	Điều trị bằng các dòng điện xung [theo yêu cầu]	Lần	67.400
16.0217.1041	Phẫu thuật cắt phanh môi [theo yêu cầu]	Lần	1.344.200
15.0105.0969	Phẫu thuật chỉnh hình cuốn mũi dưới [theo yêu cầu;Loại 2]	Lần	6.211.900
03.2154.0897	Làm Proetz [theo yêu cầu]	Lần	138.600
17.0008.0253	Điều trị bằng siêu âm [theo yêu cầu]	Lần	73.100
16.0216.1041	Phẫu thuật cắt phanh lưỡi [theo yêu cầu]	Lần	1.344.200
03.1815.1041	Phẫu thuật cắt phanh lưỡi [theo yêu cầu]	Lần	1.344.200
17.0003.0254	Điều trị bằng vi sóng [theo yêu cầu]	Lần	61.700
13.0033.0614	Phẫu thuật nội soi triệt sản nữ [theo yêu cầu]	Lần	14.324.800
03.1816.1041	Phẫu thuật cắt phanh môi [theo yêu cầu]	Lần	1.344.200
17.0033.0266	Kỹ thuật tập tay và bàn tay cho người bệnh liệt nửa người [theo yêu cầu]	Lần	77.700
17.0053.0267	Tập vận động có trợ giúp [theo yêu cầu]	Lần	89.000
17.0085.0282	Kỹ thuật xoa bóp vùng [theo yêu cầu]	Lần	77.000
03.0446.0227	Cấy chỉ điều trị đau lưng [theo yêu cầu]	Lần	651.400
03.0449.0227	Cấy chỉ điều trị hội chứng vai gáy [theo yêu cầu]	Lần	651.400
03.0454.0227	Cấy chỉ điều trị bí đái [theo yêu cầu]	Lần	651.400
03.0334.2046	Điện mẫn châm điều trị hội chứng vai gáy [kim dài] [theo yêu cầu]	Lần	128.000
03.0423.0227	Cấy chỉ điều trị đau đầu, đau nửa đầu [theo yêu cầu]	Lần	651.400
03.4109.0440	Tán sỏi niệu quản qua nội soi [theo yêu cầu]	Lần	5.345.000
03.0285.0249	Ngâm thuốc YHCT bộ phận [theo yêu cầu]	Lần	82.200

Mã tương đương	Tên dịch vụ	Đơn vị tính	Giá theo yêu cầu (đồng)
03.0437.0227	Cấy chỉ điều trị đau thần kinh liên sườn [theo yêu cầu]	Lần	651.400
03.0648.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau lưng [theo yêu cầu]	Lần	114.000
03.0411.0227	Cấy chỉ điều trị đau thần kinh tọa [theo yêu cầu]	Lần	651.400
15.0167.0978	Phẫu thuật nội soi vi phẫu thanh quản cắt u nang/ polyp/ hạt xơ/u hạt dây thanh bằng ống soi mềm gây tê [theo yêu cầu;Loại 2]	Lần	5.180.600
03.0651.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng vai gáy [theo yêu cầu]	Lần	114.000
03.0431.0227	Cấy chỉ điều trị giảm thính lực [theo yêu cầu]	Lần	651.400
08.0267.0227	Cấy chỉ điều trị đau do thoái hóa khớp [theo yêu cầu]	Lần	651.400
03.0428.0227	Cấy chỉ điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên [theo yêu cầu]	Lần	651.400
08.0268.0227	Cấy chỉ điều trị đau lưng [theo yêu cầu]	Lần	651.400
03.0458.0227	Cấy chỉ điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống [theo yêu cầu]	Lần	651.400
08.0246.0227	Cấy chỉ điều trị hội chứng vai gáy [theo yêu cầu]	Lần	651.400
03.0424.0227	Cấy chỉ điều trị mất ngủ [theo yêu cầu]	Lần	651.400
12.0324.0558	Cắt u xương sụn lành tính [theo yêu cầu]	Lần	6.085.900
08.0157.2046	Điện mãng châm điều trị đau lưng [kim dài] [theo yêu cầu]	Lần	128.000
03.0448.0227	Cấy chỉ điều trị viêm quanh khớp vai [theo yêu cầu]	Lần	651.400
08.0114.2046	Điện mãng châm điều trị hội chứng thắt lưng-hông [kim dài] [theo yêu cầu]	Lần	128.000
12.0008.0834	Cắt các loại u vùng mặt có đường kính trên 10 cm [theo yêu cầu]	Lần	3.322.100

Mã tương đương	Tên dịch vụ	Đơn vị tính	Giá theo yêu cầu (đồng)
03.0307.2046	Điện mẫn châm điều trị đau đầu [kim dài] [theo yêu cầu]	Lần	128.000
12.0161.0874	Cắt polyp ống tai [gây tê] [theo yêu cầu]	Lần	4.122.100
08.0130.2046	Điện mẫn châm điều trị hội chứng vai gáy [kim dài] [theo yêu cầu]	Lần	128.000
03.0333.2046	Điện mẫn châm điều trị viêm quanh khớp vai [kim dài] [theo yêu cầu]	Lần	128.000
08.0481.0235	Giác hơi điều trị các chứng đau [theo yêu cầu]	Lần	55.100
12.0006.1044	Cắt các loại u vùng mặt có đường kính dưới 5 cm [theo yêu cầu]	Lần	1.771.000
03.0323.2046	Điện mẫn châm điều trị đau thần kinh liên sườn [kim dài] [theo yêu cầu]	Lần	128.000
08.0024.0249	Ngâm thuốc YHCT bộ phận [theo yêu cầu]	Lần	82.200
12.0007.1045	Cắt các loại u vùng mặt có đường kính 5 đến 10 cm [theo yêu cầu]	Lần	3.208.800
03.0301.2046	Điện mẫn châm điều trị đau thần kinh tọa [kim dài] [theo yêu cầu]	Lần	128.000
08.0429.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau do thoái hóa khớp [theo yêu cầu]	Lần	114.000
12.0135.1189	Cắt u lưỡi lành tính [theo yêu cầu]	Lần	4.300.700
03.0296.2046	Điện mẫn châm điều trị liệt chi dưới [kim dài] [theo yêu cầu]	Lần	128.000
08.0430.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau lưng [theo yêu cầu]	Lần	114.000
14.0215.0505	Rạch áp xe mi [theo yêu cầu]	Lần	327.800
03.0347.2046	Điện mẫn châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống [kim dài] [theo yêu cầu]	Lần	128.000
08.0392.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng thắt lưng- hông [theo yêu cầu]	Lần	114.000
14.0206.0730	Bơm rửa lệ đạo [theo yêu cầu]	Lần	62.200

Mã tương đương	Tên dịch vụ	Đơn vị tính	Giá theo yêu cầu (đồng)
03.0312.2046	Điện mẫn châm điều trị liệt VII ngoại biên [kim dài] [theo yêu cầu]	Lần	128.000
08.0432.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng vai gáy [theo yêu cầu]	Lần	114.000
14.0207.0738	Trích chắp, lẹo, nang lông mi; trích áp xe mi, kết mạc [theo yêu cầu]	Lần	135.500
03.0660.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bí đái [theo yêu cầu]	Lần	114.000
17.0161.0228	Điều trị chườm ngải cứu [theo yêu cầu]	Lần	55.500
03.0624.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau đầu, đau nửa đầu [theo yêu cầu]	Lần	114.000
14.0201.0769	Khâu kết mạc [gây tê] [theo yêu cầu]	Lần	1.897.100
17.0052.0267	Tập vận động thụ động [theo yêu cầu]	Lần	89.000
14.0176.0770	Khâu giác mạc [đơn thuần] [theo yêu cầu]	Lần	1.799.600
03.0642.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh liên sườn [theo yêu cầu]	Lần	114.000
08.0241.0227	Cấy chỉ điều trị hội chứng thất lưng hông [theo yêu cầu]	Lần	651.400
14.0176.0771	Khâu giác mạc [phức tạp] [theo yêu cầu]	Lần	2.744.100
03.0605.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi dưới [theo yêu cầu]	Lần	114.000
14.0213.0778	Bóc sợi giác mạc [theo yêu cầu]	Lần	149.400
03.0607.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh tọa [theo yêu cầu]	Lần	114.000
03.0630.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên [theo yêu cầu]	Lần	114.000
14.0187.0794	Phẫu thuật quặm [4 mi - gây mê] [theo yêu cầu]	Lần	3.103.200
14.0214.0778	Bóc giả mạc [theo yêu cầu]	Lần	149.400

Mã tương đương	Tên dịch vụ	Đơn vị tính	Giá theo yêu cầu (đồng)
03.0650.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm quanh khớp vai [theo yêu cầu]	Lần	114.000
14.0166.0778	Lấy dị vật giác mạc sâu [gây tê] [theo yêu cầu]	Lần	179.400
03.0406.0227	Cấy chỉ điều trị liệt chi dưới [theo yêu cầu]	Lần	651.400
14.0166.0780	Lấy dị vật giác mạc sâu [gây tê] [theo yêu cầu]	Lần	539.300
03.0664.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống [theo yêu cầu]	Lần	114.000
14.0200.0782	Lấy dị vật kết mạc [theo yêu cầu]	Lần	111.500
08.0007.0227	Cấy chỉ [theo yêu cầu]	Lần	651.400
14.0202.0785	Lấy calci kết mạc [theo yêu cầu]	Lần	61.400
08.0242.0227	Cấy chỉ điều trị đau đầu, đau nửa đầu [theo yêu cầu]	Lần	651.400
14.0187.0788	Phẫu thuật quặm [1 mi - gây mê] [theo yêu cầu]	Lần	2.351.400
08.0251.0227	Cấy chỉ điều trị đau thần kinh liên sườn [theo yêu cầu]	Lần	651.400
14.0188.0788	Phẫu thuật quặm tái phát [1 mi - gây mê] [theo yêu cầu]	Lần	2.351.400
08.0236.0227	Cấy chỉ điều trị giảm thị lực [theo yêu cầu]	Lần	651.400
14.0187.0790	Phẫu thuật quặm [2 mi - gây mê] [theo yêu cầu]	Lần	2.572.200
08.0235.0227	Cấy chỉ điều trị giảm thính lực [theo yêu cầu]	Lần	651.400
14.0187.0792	Phẫu thuật quặm [3 mi - gây mê] [theo yêu cầu]	Lần	2.188.600
08.0245.0227	Cấy chỉ điều trị hội chứng tiền đình [theo yêu cầu]	Lần	651.400
14.0187.0793	Phẫu thuật quặm [3 mi - gây mê] [theo yêu cầu]	Lần	2.833.000
08.0258.0227	Cấy chỉ điều trị liệt chi dưới [theo yêu cầu]	Lần	651.400

Mã tương đương	Tên dịch vụ	Đơn vị tính	Giá theo yêu cầu (đồng)
14.0064.0802	Phẫu thuật đặt ống silicon lệ quản - ống lệ mũi [theo yêu cầu]	Lần	2.130.200
08.0249.0227	Cấy chỉ điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên [theo yêu cầu]	Lần	651.400
14.0180.0805	Cắt bè củng giác mạc (Trabeculectomy) [theo yêu cầu]	Lần	2.702.600
08.0228.0227	Cấy chỉ điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não [theo yêu cầu]	Lần	651.400
14.0065.0824	Phẫu thuật mạc có ghép (kết mạc rời tự thân, màng ối...) có hoặc không áp thuốc chống chuyển hóa [theo yêu cầu]	Lần	1.930.200
08.0253.0227	Cấy chỉ điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống [theo yêu cầu]	Lần	651.400
14.0222.0801	Theo dõi nhãn áp 3 ngày [theo yêu cầu]	Lần	196.400
08.0266.0227	Cấy chỉ điều trị viêm quanh khớp vai [theo yêu cầu]	Lần	651.400
14.0065.0808	Phẫu thuật mạc có ghép (kết mạc rời tự thân, màng ối...) có hoặc không áp thuốc chống chuyển hóa [gây mê] [theo yêu cầu]	Lần	2.632.200
08.0243.0227	Cấy chỉ điều trị mất ngủ [theo yêu cầu]	Lần	651.400
14.0066.0808	Phẫu thuật mạc có ghép (kết mạc tự thân, màng ối...) có hoặc không sử dụng keo dán sinh học [gây mê] [theo yêu cầu]	Lần	2.632.200
08.0146.2046	Điện mãng châm điều trị [theo yêu cầu]	Lần	128.000
14.0066.0809	Phẫu thuật mạc có ghép (kết mạc tự thân, màng ối...) có hoặc không sử dụng keo dán sinh học [gây tê] [theo yêu cầu]	Lần	2.083.600
08.0161.2046	Điện mãng châm điều trị bí đái cơ năng [theo yêu cầu]	Lần	128.000
14.0066.0824	Phẫu thuật mạc có ghép (kết mạc tự thân, màng ối...) có hoặc không sử dụng keo dán sinh học [theo yêu cầu]	Lần	1.930.200

Mã tương đương	Tên dịch vụ	Đơn vị tính	Giá theo yêu cầu (đồng)
08.0135.2046	Điện mẫn châm điều trị đau dây thần kinh liên sườn [theo yêu cầu]	Lần	128.000
14.0120.0826	Phẫu thuật treo mi - cơ trán (bằng silicon, cân cơ đuôi...) điều trị sụp mi [theo yêu cầu]	Lần	3.402.600
08.0142.2046	Điện mẫn châm điều trị liệt chi dưới [kim dài] [theo yêu cầu]	Lần	128.000
14.0084.0836	Cắt u mi cả bề dày không ghép [theo yêu cầu]	Lần	1.812.100
08.0133.2046	Điện mẫn châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên [theo yêu cầu]	Lần	128.000
14.0219.0849	Soi đáy mắt bằng kính 3 mặt gương [theo yêu cầu]	Lần	90.000
08.0155.2046	Điện mẫn châm điều trị viêm quanh khớp vai [kim dài] [theo yêu cầu]	Lần	128.000
14.0218.0849	Soi đáy mắt trực tiếp [theo yêu cầu]	Lần	90.000
08.0129.2046	Điện mẫn châm điều trị hội chứng tiền đình [kim dài] [theo yêu cầu]	Lần	128.000
14.0194.0857	Tiêm cạnh nhãn cầu [theo yêu cầu]	Lần	83.000
08.0116.2046	Điện mẫn châm điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não [theo yêu cầu]	Lần	128.000
14.0197.0855	Bơm thông lệ đạo [theo yêu cầu; một mắt] [theo yêu cầu]	Lần	97.700
08.0138.2046	Điện mẫn châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống [kim dài] [theo yêu cầu]	Lần	128.000
14.0197.0854	Bơm thông lệ đạo [theo yêu cầu; hai mắt] [theo yêu cầu]	Lần	158.700
08.0134.2046	Điện mẫn châm điều trị tắc tia sữa [theo yêu cầu]	Lần	128.000
03.1685.0854	Bơm thông lệ đạo [theo yêu cầu; hai mắt] [theo yêu cầu]	Lần	158.700
08.0005.0230	Điện châm [kim ngắn] [theo yêu cầu]	Lần	119.000

Mã tương đương	Tên dịch vụ	Đơn vị tính	Giá theo yêu cầu (đồng)
15.0058.0899	Làm thuốc tai [theo yêu cầu]	Lần	72.000
08.0006.0271	Thủy châm [theo yêu cầu]	Lần	115.700
15.0059.0908	Lấy nút biểu bì ống tai ngoài [theo yêu cầu]	Lần	140.600
08.0483.0280	Xoa bóp bấm huyết bằng tay [theo yêu cầu]	Lần	114.000
15.0045.0909	Phẫu thuật cắt bỏ u nang vành tai, u bã đậu da tai [gây mê] [theo yêu cầu]	Lần	3.385.400
08.0408.0280	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau đầu, đau nửa đầu [theo yêu cầu]	Lần	114.000
15.0149.0937	Phẫu thuật cắt Amidan [dao điện] [theo yêu cầu;Loại 1]	Lần	5.761.400
08.0419.0280	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng tiền đình [theo yêu cầu]	Lần	114.000
15.0104.0942	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình cuốn mũi giữa [theo yêu cầu;Loại 1]	Lần	8.211.900
08.0390.0280	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt chi dưới [theo yêu cầu]	Lần	114.000
15.0046.0954	Phẫu thuật lấy đường rò luân nhĩ [gây mê] [theo yêu cầu]	Lần	6.209.900
08.0414.0280	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên [theo yêu cầu]	Lần	114.000
15.0155.0958	Phẫu thuật nạo VA nội soi [theo yêu cầu]	Lần	5.045.800
08.0425.0280	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau thần kinh liên sườn [theo yêu cầu]	Lần	114.000
08.0435.0280	Xoa bóp bấm huyết điều trị tắc tia sữa [theo yêu cầu]	Lần	114.000
15.0105.0969	Phẫu thuật chỉnh hình cuốn mũi dưới [theo yêu cầu;Loại 1]	Lần	8.211.900
15.0106.0969	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình cuốn mũi dưới [theo yêu cầu;Loại 1]	Lần	8.211.900
08.0391.0280	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não [theo yêu cầu]	Lần	114.000

Mã tương đương	Tên dịch vụ	Đơn vị tính	Giá theo yêu cầu (đồng)
15.0077.0978	Phẫu thuật nội soi mở xoang sàng [theo yêu cầu;Loại 1]	Lần	7.180.600
08.0446.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống [theo yêu cầu]	Lần	114.000
15.0078.0978	Phẫu thuật nội soi mở xoang hàm [theo yêu cầu;Loại 1]	Lần	7.180.600
08.0431.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm quanh khớp vai [theo yêu cầu]	Lần	114.000
15.0166.0978	Phẫu thuật nội soi vi phẫu thanh quản cắt u nang/ polyp/ hạt xơ/u hạt dây thanh (gây tê/gây mê) [theo yêu cầu;Loại 1]	Lần	7.180.600
15.0167.0978	Phẫu thuật nội soi vi phẫu thanh quản cắt u nang/polyp/hạt xơ/u hạt dây thanh bằng ống soi mềm gây tê [theo yêu cầu;Loại 1]	Lần	7.180.600
15.0086.1001	Phẫu thuật cắt u nang răng sinh, u nang sàn mũi [theo yêu cầu;Loại 1]	Lần	5.646.800
15.0331.1049	Phẫu thuật cắt u da vùng mặt [theo yêu cầu]	Lần	3.928.100
16.0052.1012	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay cầm tay [răng số 4,5] [theo yêu cầu]	Lần	1.131.000
13.0064.0690	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung bán phần [theo yêu cầu]	Lần	11.346.300
16.0054.1012	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay máy [răng số 4, 5] [theo yêu cầu]	Lần	1.131.000
16.0054.1013	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay máy [răng số 6,7 hàm dưới] [theo yêu cầu]	Lần	1.361.000
16.0052.1013	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay cầm tay [răng số 6,7 hàm dưới] [theo yêu cầu]	Lần	1.361.000
16.0052.1014	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay	Lần	955.500

Mã tương đương	Tên dịch vụ	Đơn vị tính	Giá theo yêu cầu (đồng)
	cầm tay [răng số 1, 2, 3] [theo yêu cầu]		
16.0054.1014	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay máy [răng số 1, 2, 3] [theo yêu cầu]	Lần	955.500
16.0052.1015	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay cầm tay [răng số 6,7 hàm trên] [theo yêu cầu]	Lần	1.491.000
16.0054.1015	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay máy [răng số 6,7 hàm trên] [theo yêu cầu]	Lần	1.491.000
16.0201.1028	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch có cắt thân [theo yêu cầu]	Lần	1.398.600
16.0206.1026	Nhổ răng thừa [theo yêu cầu]	Lần	1.239.500
16.0198.1026	Phẫu thuật nhổ răng ngầm [theo yêu cầu]	Lần	1.239.500
16.0200.1028	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm dưới [theo yêu cầu]	Lần	1.398.600
16.0202.1028	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch có cắt thân chia chân răng [theo yêu cầu]	Lần	1.398.600
16.0199.1028	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm trên [theo yêu cầu]	Lần	1.398.600
16.0218.1041	Phẫu thuật cắt phanh má [theo yêu cầu]	Lần	1.344.200
16.0220.1042	Cấy lại răng bị bật khỏi ổ răng [theo yêu cầu]	Lần	1.601.000
16.0280.1066	Điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng nắn chỉnh (có gây mê hoặc gây tê) [theo yêu cầu]	Lần	5.197.900
15.0078.0978	Phẫu thuật nội soi mở xoang hàm [theo yêu cầu;Loại 2]	Lần	5.180.600
16.0278.1066	Phẫu thuật điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng nẹp vít hợp kim [theo yêu cầu]	Lần	5.197.900
16.0248.1069	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort I bằng nẹp vít hợp kim [theo yêu cầu]	Lần	5.297.900
16.0269.1068	Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm dưới bằng	Lần	4.897.900

Mã tương đương	Tên dịch vụ	Đơn vị tính	Giá theo yêu cầu (đồng)
	nẹp vít hợp kim [theo yêu cầu]		
16.0251.1069	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort II bằng nẹp vít hợp kim [theo yêu cầu]	Lần	5.297.900
16.0323.1081	Phẫu thuật mở xoang hàm để lấy chóp răng hoặc răng ngầm [theo yêu cầu]	Lần	4.078.100
16.0272.1095	Phẫu thuật điều trị gãy xương gò má bằng nẹp vít hợp kim [theo yêu cầu]	Lần	5.636.500
03.1692.0730	Bơm rửa lệ đạo [theo yêu cầu]	Lần	62.200
03.1693.0738	Trích chấp, lẹo, trích áp xe mi, kết mạc [theo yêu cầu]	Lần	135.500
15.0077.0978	Phẫu thuật nội soi mở xoang sàng [theo yêu cầu;Loại 2]	Lần	5.180.600
03.1691.0759	Đốt lông xiêu [theo yêu cầu]	Lần	80.600
03.1688.0768	Khâu kết mạc [gây mê] [theo yêu cầu]	Lần	3.095.200
03.1688.0769	Khâu kết mạc [gây tê] [theo yêu cầu]	Lần	1.897.100
16.0203.1026	Nhổ răng vĩnh viễn [theo yêu cầu]	Lần	1.239.500
03.1667.0770	Khâu giác mạc [đơn thuần] [theo yêu cầu]	Lần	1.799.600
03.1667.0771	Khâu giác mạc [phức tạp] [theo yêu cầu]	Lần	2.744.100
03.1706.0782	Lấy dị vật kết mạc [theo yêu cầu]	Lần	111.500
03.1689.0785	Lấy calci đông dưới kết mạc [theo yêu cầu]	Lần	61.400
03.1677.0789	Phẫu thuật quặm (Panas, Cuenod, Nataf, Trabut) [1 mi - gây tê] [theo yêu cầu]	Lần	1.698.800
03.1677.0788	Phẫu thuật quặm (Panas, Cuenod, Nataf, Trabut) [1 mi - gây mê] [theo yêu cầu]	Lần	2.351.400
03.1677.0790	Phẫu thuật quặm (Panas, Cuenod, Nataf, Trabut) [2 mi - gây mê] [theo yêu cầu]	Lần	2.572.200
03.1677.0791	Phẫu thuật quặm (Panas, Cuenod, Nataf, Trabut) [2 mi - gây tê] [theo yêu cầu]	Lần	1.935.200

Mã tương đương	Tên dịch vụ	Đơn vị tính	Giá theo yêu cầu (đồng)
03.1677.0792	Phẫu thuật quặm (Panas, Cuenod, Nataf, Trabut) [3 mi - gây tê] [theo yêu cầu]	Lần	2.188.600
03.1677.0793	Phẫu thuật quặm (Panas, Cuenod, Nataf, Trabut) [3 mi - gây mê] [theo yêu cầu]	Lần	2.833.000
03.1677.0794	Phẫu thuật quặm (Panas, Cuenod, Nataf, Trabut) [4 mi - gây mê] [theo yêu cầu]	Lần	3.103.200
03.1677.0795	Phẫu thuật quặm (Panas, Cuenod, Nataf, Trabut) [4 mi - gây tê] [theo yêu cầu]	Lần	2.387.000
03.1657.0823	Phẫu thuật mộng đơn thuần [theo yêu cầu]	Lần	1.960.200
03.0152.0849	Soi đáy mắt cấp cứu [theo yêu cầu]	Lần	90.000
03.1699.0849	Soi đáy mắt trực tiếp [theo yêu cầu]	Lần	90.000
03.1683.0857	Tiêm cạnh nhãn cầu [theo yêu cầu]	Lần	83.000
03.2613.0874	Cắt polyp ống tai [gây mê] [theo yêu cầu]	Lần	4.122.100
03.2120.0899	Làm thuốc tai [theo yêu cầu]	Lần	72.000
03.2179.0937	Phẫu thuật cắt Amidan gây tê hoặc gây mê [gây tê] [theo yêu cầu;Loại 1]	Lần	5.761.400
03.2180.0954	Phẫu thuật lấy đường rò luân nhĩ [gây mê] [theo yêu cầu]	Lần	6.209.900
03.1859.1013	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng châm xoay cầm tay [răng số 6,7 hàm dưới] [theo yêu cầu]	Lần	1.361.000
03.1859.1014	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng châm xoay cầm tay [răng số 1, 2, 3] [theo yêu cầu]	Lần	955.500
15.0106.0969	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình cuốn mũi dưới [theo yêu cầu;Loại 2]	Lần	6.211.900
03.1859.1015	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng châm xoay cầm tay [răng số 6,7 hàm trên] [theo yêu cầu]	Lần	1.491.000

Mã tương đương	Tên dịch vụ	Đơn vị tính	Giá theo yêu cầu (đồng)
03.1817.1041	Phẫu thuật cắt phanh má [theo yêu cầu]	Lần	1.344.200
03.2534.1047	Cắt bỏ nang xương hàm dưới 2 cm [theo yêu cầu]	Lần	4.228.100
03.2535.1049	Cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính dưới 5 cm [theo yêu cầu]	Lần	3.928.100
03.1809.1042	Cấy lại răng bị bật khỏi ổ răng [theo yêu cầu]	Lần	1.601.000
03.2536.1049	Cắt u xơ vùng hàm mặt đường kính dưới 3 cm [theo yêu cầu]	Lần	3.928.100
03.2031.1066	Điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng nắn chỉnh (có gây mê hoặc gây tê) [theo yêu cầu]	Lần	5.197.900
03.2538.1060	Cắt bỏ u lành tính vùng tuyến nước bọt mang tai hoặc dưới hàm từ 2-5 cm [theo yêu cầu]	Lần	4.397.900
03.2029.1066	Phẫu thuật kết hợp xương điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng nẹp vít hợp kim [theo yêu cầu]	Lần	5.197.900
03.2020.1068	Phẫu thuật kết hợp xương điều trị gãy xương hàm dưới bằng nẹp vít hợp kim [theo yêu cầu]	Lần	4.897.900
03.2033.1069	Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm trên Lefort 1 bằng nẹp vít hợp kim [theo yêu cầu]	Lần	5.297.900
12.0068.0834	Cắt u xơ vùng hàm mặt đường kính dưới 3 cm [theo yêu cầu]	Lần	3.322.100
12.0069.0834	Cắt u xơ vùng hàm mặt đường kính trên 3 cm [theo yêu cầu]	Lần	3.322.100
12.0088.0944	Cắt u tuyến nước bọt phụ [theo yêu cầu]	Lần	5.944.000
12.0071.1038	Cắt bỏ nang xương hàm dưới 2 cm [theo yêu cầu]	Lần	1.952.100
12.0084.1039	Cắt u lợi đường kính 2 cm trở lên [theo yêu cầu]	Lần	1.521.000
12.0083.1040	Cắt u lợi đường kính dưới hoặc bằng 2 cm [theo yêu cầu]	Lần	1.481.000
12.0072.1047	Cắt bỏ nang xương hàm từ 2-5 cm [theo yêu cầu]	Lần	4.228.100

Mã tương đương	Tên dịch vụ	Đơn vị tính	Giá theo yêu cầu (đồng)
	cầu]		
14.0188.0790	Phẫu thuật quặm tái phát [2 mi - gây mê] [theo yêu cầu]	Lần	2.572.200
14.0188.0791	Phẫu thuật quặm tái phát [2 mi - gây tê] [theo yêu cầu]	Lần	1.935.200
14.0188.0792	Phẫu thuật quặm tái phát [3 mi - gây tê] [theo yêu cầu]	Lần	2.188.600
14.0188.0793	Phẫu thuật quặm tái phát [3 mi - gây mê] [theo yêu cầu]	Lần	2.833.000
14.0188.0794	Phẫu thuật quặm tái phát [4 mi - gây mê] [theo yêu cầu]	Lần	3.103.200
14.0188.0795	Phẫu thuật quặm tái phát [4 mi - gây tê] [theo yêu cầu]	Lần	2.387.000
14.0188.0789	Phẫu thuật quặm tái phát [1 mi - gây tê] [theo yêu cầu]	Lần	1.698.800
14.0256.0843	Đo sắc giác [theo yêu cầu]	Lần	120.900
15.0301.0216	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ [tổn thương nông chiều dài < 10 cm] [theo yêu cầu]	Lần	1.194.700
15.0301.0217	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ [tổn thương nông chiều dài ≥ 10 cm] [theo yêu cầu]	Lần	1.269.500
15.0301.0218	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ [tổn thương sâu chiều dài < 10 cm] [theo yêu cầu]	Lần	1.289.500
03.2245.0218	Khâu vết thương phần mềm vùng đầu cổ [tổn thương sâu chiều dài < 10 cm] [theo yêu cầu]	Lần	1.289.500
15.0166.0978	Phẫu thuật nội soi vi phẫu thanh quản cắt u nang/ polyp/ hạt xơ/u hạt dây thanh (gây tê/gây mê) [theo yêu cầu;Loại 2]	Lần	5.180.600
03.2245.0219	Khâu vết thương phần mềm vùng đầu cổ [tổn thương sâu chiều dài ≥ 10 cm] [theo yêu cầu]	Lần	1.354.200

Mã tương đương	Tên dịch vụ	Đơn vị tính	Giá theo yêu cầu (đồng)
03.2245.0217	Khâu vết thương phần mềm vùng đầu cổ [tổn thương nông chiều dài ≥ 10 cm] [theo yêu cầu]	Lần	1.269.500
03.1061.0135	Nội soi thực quản, dạ dày, tá tràng có thể kết hợp sinh thiết [không sinh thiết] [theo yêu cầu]	Lần	713.500
14.0211.0842	Rửa cùng đồ [theo yêu cầu]	Lần	73.300
03.1695.0842	Rửa cùng đồ [theo yêu cầu]	Lần	73.300

